

Bản án số: 47/2020/DS - PT

Ngày: 15/12/2020

*V/v: “Tranh chấp về đòi tài sản; yêu
cầu hủy quyết định cá biệt”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Cường;

Ông Nguyễn Xuân Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp về đòi tài sản; yêu cầu hủy quyết định cá biệt”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim N; địa chỉ: Lô 15, đường 6B, KĐT H, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn H –huộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: Số 13B khu số 2, Đường L, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*** Bị đơn:**

- Ông Mai Đức H1; địa chỉ: Số 160 Đường T1, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị M; địa chỉ: Số 160 Đường T1, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Bà Mai Thị T2; địa chỉ: số 181 đường Y, phường P1, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đăng T3 và bà Nguyễn Thị C; địa chỉ: Tổ 4, P2, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T3: bà Nguyễn Thị C; địa chỉ: Tổ 4, P2, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trần Thị H2; địa chỉ: số 138/5 Đường Đ1, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Ông Huỳnh Minh T4; địa chỉ: Tổ 4, P2, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Ông Vũ Khải H3 và bà Phạm Thị G; địa chỉ: Tổ 4, P2, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Ông Bùi Đăng C1; địa chỉ: Tổ 4, P2, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Ông Vũ Chí T5; Địa chỉ: Tổ 4, P2, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Ông Ngô Thanh T6 và bà Hà Thị Bích H4; địa chỉ: Số 170 Đường N2, phường P4, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp là do ông Huỳnh Văn Đ2 bán cho ông Nguyễn S1 (ông nội bà N) vào ngày 15/8/1945 có diện tích 5.000m² được chính quyền địa phương xác nhận. Trong quá trình sử dụng ông Nguyễn S1 có khai phá thêm. Ngày 13/4/1974, Ty điền địa Khánh Hòa xác nhận diện tích đất của ông S1 là 2ha29a20ca (22.920m²) và 0ha87a00ca (8.700m²) đo năm 1965.

Căn cứ Bản án phúc thẩm số 23/PTDS ngày 16/6/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, căn cứ lược đồ 2 do Ty điền địa Khánh Hòa xác nhận, đến năm 1993, diện tích đất của ông Nguyễn Văn R (con ông Nguyễn S1) còn lại là 8.700m².

Ngày 20/9/1955, ông S1 bán cho ông Mai Văn D1 diện tích 1.045m², ngày 15/4/1971 ông S1 bán thêm cho ông Mai Văn D1 1.836m² và bán cho ông Nguyễn T7, bà Mai Thị T2 diện tích 245m². Ngoài ra, ông S1 còn bán cho một số người tổng diện tích là 1.005m². Như vậy, sau khi bán cho một số người thì diện tích đất còn lại trên giấy tờ là 4.295m².

Theo Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 30/5/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thể hiện: Phần diện tích tộc họ Mai là 3.042,38m² và phần còn lại là của ông Nguyễn Văn R (cha bà N), theo sơ đồ kèm theo Thông báo số 143/TB-UB ngày 03/4/2003 thì diện tích của ông Nguyễn Văn R còn lại là 4.424m². Sau đó, ông R tiếp tục bán thêm cho một số người diện tích khoảng

2.058m² có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường P3. Như vậy, diện tích ông R còn lại là 2.366m².

Trong phần diện tích 2.366m² này, ông Nguyễn Đăng T3 bà Nguyễn Thị C lần chiếm 485m²; trong đó ông T3 bà C bán cho bà Trần Thị H2 200m² và ông Mai Đức H1, bà Mai Thị T2 lần chiếm 1.881m².

Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Đăng T3 và bà Nguyễn Thị C trả lại cho bà toàn bộ diện tích đất 485m² gồm: diện tích đất 214,6m², tại thửa số 28 tờ bản đồ số 19; 70 m² và 200 m² đất đã bán cho bà Trần Thị H2 cùng tọa lạc tại tổ 4 P2, phường P3, thành phố N1; buộc ông Mai Đức H1 và bà Mai Thị T2 trả lại diện tích 1.881m² đã lần chiếm; yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 11/7/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, về việc bãi bỏ Quyết định số 1615/QĐ-UB ngày 30/5/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

** Bị đơn ông Mai Đức H1 trình bày:*

Nguồn gốc đất là do cha ông là cụ Mai Văn D1 mua của cụ Nguyễn S1 (cha của ông Nguyễn Văn R) vào năm 1955 với diện tích 1.045m², năm 1971 mua lần 2 diện tích 1.836m². Năm 1971, ông Nguyễn T7 và bà Mai Thị T2 mua của ông Nguyễn S1 thêm 245m². Mục đích để làm nơi chôn cất mồ mả cho tộc họ Mai.

Năm 1991, do ông R đào trộm 02 ngôi mộ mang đi nơi khác để lấy đất bán bất hợp pháp cho ông Phạm Đình Đ3, ông Lê Văn Nh và bà Văn Thị M, nên ngày 15/3/1993 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N1 ban hành các Quyết định số 479, 480, 481, 482 xử phạt hành chính đối với ông Nguyễn Văn R, buộc ông R phải hoàn trả hiện trạng đất ban đầu. Do ông R không chấp hành nên ngày 21/5/1995, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N1 ban hành Quyết định số 1092/QĐ-UBND để cưỡng chế thực hiện các Quyết định xử phạt hành chính nêu trên. Sau khi cưỡng chế, ông R dựng lại nhà và tiếp tục khiếu kiện tới Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 6/8/1996, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1479/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông R vì không có giấy tờ hợp pháp, chuyển nhượng đất đai trái pháp luật và buộc thực hiện các Quyết định xử phạt hành chính ngày 15/3/1993.

Ngày 30/5/2003, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa lại ban hành Quyết định số 1615/QĐ-UB công nhận nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất của ông R. Ông Mai Đức H1 và bà Mai Thị T2 có đơn khiếu nại tới Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 909/BTNMT-TT giải quyết đơn khiếu nại. Qua quá trình giải quyết, ngày 11/7/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 646/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 1615/QĐ-UB và khôi phục nội dung Quyết định số 1479/QĐ-

UB. Đây là quyết định cuối cùng của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cho tới nay.

Do toàn bộ nghĩa trang Mai gia nằm trong quy hoạch của KĐT VCN nên Ông và những người trong tộc họ Mai đã di dời mộ, giao mặt bằng làm chợ VCN.

** Bị đơn bà Mai Thị T2 trình bày:*

Năm 1971, vợ chồng bà Mai Thị T2 và ông Nguyễn T7 có mua của vợ chồng ông Nguyễn S1 bà Lê Thị Tr diện tích đất 245m² để làm nghĩa trang gia đình. Đến năm 1995, vợ chồng bà chuyển nhượng cho ông Phạm B1 và bà Nguyễn Thị C2 diện tích 115m². Đến năm 2000, Bà sang nhượng cho ông Phạm Duy H5 và bà Vũ Thị H6 số đất còn lại là 130m². Bà đã giao giấy tờ liên quan đến nguồn gốc lô đất cho ông B1, bà C2 và ông H5 bà H6. Từ đó tới nay, Bà không còn liên quan gì tới lô đất đã mua của ông S1 bà Tr.

** Bị đơn ông Nguyễn Đăng T3 và bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Ông Bà có một lô đất có diện tích 201,25m² do tộc họ Mai tương phân ngày 28/9/1993 (nằm trong lô đất số 2 mua năm 1971); một lô đất có diện tích 209,25m² mua của bà Mai Thị H7 ngày 04/10/1995 (nằm trong lô đất số 2 mua năm 1971), một lô đất có diện tích 100m² mua của ông Mai Đức H1 ngày 30/5/1995 (nằm trong lô số 1 mua năm 1955 của tộc họ Mai). Cả 03 lô đất này đều có giấy tờ mua bán, được công chứng chứng thực hợp pháp. Toàn bộ lô đất 100m² đã bị thu hồi làm chợ VCN; lô đất có diện tích 201,25m² cũng bị thu hồi 10,3m² để làm đường A3.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ông Bà không đồng ý vì: nguồn gốc đất là do tộc họ Mai mua của ông Nguyễn S1 vào các năm 1955, 1971. Năm 1976, ông Mai Đức T8 đã thay mặt tộc họ Mai đi đăng ký với chính quyền cách mạng cả 03 lô đất với diện tích 3.126m². Năm 1992, ông Nguyễn Văn R có hốt cốt trộm của tộc họ Mai để bán đất và bị chính quyền xử phạt, cưỡng chế. Ngày 08/6/1996 có Quyết định số 1479/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa bác đơn của ông R. Ngày 11/7/2007, có Quyết định số 646/QĐ-UB và Công văn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bác đơn của ông R và khôi phục hiệu lực của Quyết định số 1479/QĐ-UB.

** Bị đơn Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa trình bày:*

Khu đất bà Nguyễn Thị Kim N đang có đơn khởi kiện trước đây đã phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn R (cha bà N) và ông Mai Đức H1.

Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông R và ông H1 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết tại Quyết định số 1479/QĐ-UB ngày 6/8/1996, các hộ nêu trên không đồng ý và có đơn khiếu nại. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1806/QĐ-UB ngày 24/5/2002 về việc thành lập Đoàn phúc tra giải quyết đơn khiếu nại của ông Tạ Văn Đ4 và các hộ. Sau khi có kết luận phúc

tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1615/QĐ-UB ngày 30/5/2003 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông R và ông H1. Ông H1 tiếp tục có đơn khiếu nại gửi tới Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngày 29/3/2004, Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản số 900/BTNMT-TTr chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết theo hướng thay thế Quyết định số 1615 trên cơ sở giữ nguyên nội dung Quyết định số 1479.

Ngày 11/7/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 646/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 1615, khôi phục hiệu lực của Quyết định số 1479. Ngày 31/12/2008, tại phòng Tiếp công dân tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp ông Nguyễn Văn R liên quan đến nội dung khiếu nại các quyết định nói trên của Ủy ban nhân dân tỉnh và kết luận nội dung khiếu nại không thuộc thẩm quyền của Chủ tịch và không đồng ý thì gửi đơn tới Bộ Tài nguyên và Môi trường để được giải quyết.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Huỳnh Minh T4 trình bày: Tháng 6 năm 2017, Ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 295 tờ bản đồ số 28 tại tổ 4 P2, phường P3, thành phố N1 với diện tích 102,5m² của ông Nguyễn Đăng T3 và bà Nguyễn Thị C. Khi nhận chuyển nhượng, thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T3, bà C và ông đã được chỉnh lý biên động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ông đã xin phép xây dựng và được cấp Giấy phép số 2551/GPXD-UBND ngày 30/10/2017 và đã xây nhà. Việc bà N khởi kiện đòi lại đất đối với ông T3, bà C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nếu việc khởi kiện có căn cứ thì đề nghị buộc ông T3, bà C trả tiền cho bà N vì quyền sử dụng đất Ông nhận chuyển nhượng là hợp pháp và ngay tình, đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi của Ông.

- Ông Ngô Thanh T6, bà Hà Thị Bích H4 trình bày: Ông Bà có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị C lô đất có diện tích 59m² vào năm 2001 tại tổ 10 xóm Đ5, phường P3, thành phố N1. Khi mua, hai bên có lập giấy viết tay vào năm 2016, ông T6, bà H4 đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bà Trần Thị H2 (bản tự khai do bà Nguyễn Thị L2 – con gái) trình bày: Do bà H2 trên 70 tuổi, già yếu nên không tới Tòa án làm việc được. Nguồn gốc đất bà H2 đang sử dụng là do mua của bà Thu B2 ngang 10m, dài 19m. Việc bà N khởi kiện bà không đồng ý vì không liên quan gì tới đất của bà N.

- Ông Vũ Khải H3 trình bày: Ngày 26/1/1995, vợ chồng ông bà có mua lô đất có diện tích 104m² của bà Mai Thị H8. Ông thực hiện đóng thuế từ năm 1995 cho tới nay. Năm 2016 Ông được cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi làm thủ tục cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà N có đơn kiện tại Ủy ban nhân dân phường P3. Tại Biên bản lập ngày 14/01/2016, bà N xác định chỉ kiện lô đất số 710 diện tích 228m² ngoài ra không kiện, không đề nghị ngăn chặn việc cấp sổ cho những người đang sử dụng đất khác. Ông đã được chuyển mục đích sử dụng đất, cấp sổ đỏ tháng 4 năm 2016. Việc ông mua đất của bà H8 có giấy tờ mua bán, có đóng thuế sử dụng đầy đủ và không mua bán gì đất của bà N. Ông đề nghị Tòa án cho Ông được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Bùi Đăng C1: Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa triệu tập hợp lệ nhưng ông C1 không tới làm việc, không gửi văn bản ghi lời khai, ý kiến của mình nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của Ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ Điều 26, 34, 37, 147, 227, 228, 229 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều Căn cứ Điều 166, Điều 237 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N về việc yêu cầu ông Nguyễn Đăng T3 và bà Nguyễn Thị C trả lại diện tích đất 284,6m²; gồm: diện tích đất 214,6m² tại thửa số 28 tờ bản đồ số 19 và diện tích đất 70m² đất; buộc ông Mai Đức H1 và bà Mai Thị T2 trả lại diện tích 2.042m² cùng tọa lạc tại tổ 4 P2, phường P3, Thành phố N1 Trang và yêu cầu hủy Quyết định số 646/QĐ ngày 11/7/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại vì quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải

quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; nhận thấy:

[1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Kim N căn cứ hai Lược đồ Ty điền địa Khánh Hòa lập ngày 13/4/1973, Bản án số 23/PT-DS ngày 16/6/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về vụ ông R kiện Hợp tác xã P3 đòi lại vườn dừa và Di chúc của ông R, bà Thuận làm căn cứ khởi kiện.

Bà N xác định tổng diện tích đất của cụ Nguyễn S1 và cụ Lê Thị Tr (ông bà nội của bà N) mua của ông Huỳnh Đ2 vào năm 1945 và khai hoang là 31.600m². Bản án số 23/PT-DS ngày 16/6/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa do Bà cung cấp, xác định trước năm 1975, cụ S1 bán cho 10 hộ với diện tích 8.516m²; diện tích còn lại là 23.084m². Sau năm 1975, Hợp tác xã thu của cụ S1 19.249m² và còn lại thuộc sở hữu của cụ S1 là 3.835m². Ông R (cha bà N) nhận, nay bà N xác định không tranh chấp diện tích đất 3.835m².

Bà N xác định chỉ tranh chấp diện tích 8.516m² đất mà cụ S1 đã bán trước năm 1975 cho 10 hộ trong đó có hộ của ông Mai Văn D1 02 lần vào các năm 1955, 1971. Bà N xác định trên giấy tờ về diện tích đất còn lại sau khi ông Nguyễn S1 (cha của ông R) là ông nội của bà N bán cho tộc họ Mai diện tích 3.126m² và bán cho một số người (không nêu tên cụ thể) diện tích 1.005m², còn lại 2.366m². Trong phần diện tích 2.366m² này, ông Nguyễn Đăng T3 bà Nguyễn Thị C lần chiếm 485m²; trong đó ông T3 bà C bán cho bà Trần Thị H2 200m² và ông Mai Đức H1, bà Mai Thị T2 lần chiếm 1.881m²; Xét thấy, khi còn sống ông R đã kiện tộc họ Mai và được xác định tộc họ Mai mua của cụ Nguyễn S1 tổng cộng 03 lô với tổng diện tích là 3.126m². Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện như sau: Biên bản cắm mốc giao đất nghĩa địa Mai Gia cho tộc họ Mai ngày 04/6/1993 tại hiện trường lô đất; Hội đồng tham dự cắm mốc gồm: đại diện Ủy ban nhân dân phường P3, đại diện Phòng nông nghiệp thành phố, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N1, Công an thành phố N1, Công an phường, ông Mai Đức H1 – đại diện tộc họ Mai (BL số 198, 199); Biên bản tương phân ngày 28/9/1993 của tộc họ Mai đối với diện tích đất 02 lô (1 và 2) diện tích 2.881m² do ông Mai Văn D1 mua; 01 lô (lô 3) diện tích 245m² do ông Nguyễn T7 mua là 03 lô đất làm nghĩa địa “Mai gia” tại Xóm Gò, khóm P2, phường P3 có công chứng viên Phòng công chứng nhà nước tỉnh Khánh Hòa chứng nhận ngày 28/9/1993 (BL số 220, 221).

Căn cứ vào Biên bản tương phân ngày 28/9/1993, ngày 27/7/1994 tộc họ Mai gồm các ông, bà Mai Đức H1, Mai Đức T8, Mai Thị H8, Mai Thị T2, Mai

Thị H7, Phạm Thị Thu B2, Nguyễn Đăng T3 lập Biên bản cắm mốc giao đất nghĩa địa của tộc họ Mai cho các hộ gia đình tự túc sản xuất có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P3 ngày 06/8/1994. (BL số 200 - 202). Sau khi nhận đất, một số con cháu họ Mai đã chuyển nhượng cho người khác và đến nay đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, tất cả những người trên đều mua đất của những người trong tộc họ Mai được nhận diện tích đất theo Biên bản tương phân ngày 28/9/1993 nằm trong diện tích đất 3.126m² đất mà tộc họ Mai mua của cụ S1 vào năm 1955 và năm 1971 có giấy tờ mua bán do chế độ cũ xác nhận và bà N cũng thừa nhận. Sơ đồ năm 2003 do bà N cung cấp cũng xác định vị trí, diện tích lô đất của tộc họ Mai nên không có căn cứ xác định tộc họ Mai lấn đất của ông R.

Tuy nhiên xét thấy, việc bà N khởi kiện tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất trong vụ án này, nguyên trước đây, diện tích đất này ông Nguyễn Văn R (cha bà N) đã tranh chấp với ông Mai Đức H1 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết tại Quyết định số 1479/QĐ-UB ngày 6/8/1996, về việc bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn R (BL177), ông R không đồng ý và có đơn khiếu nại. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1806/QĐ-UB ngày 24/5/2002 về việc thành lập Đoàn phúc tra giải quyết đơn khiếu nại. Sau khi có kết luận phúc tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1615/QĐ-UB ngày 30/5/2003 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông R và ông H1; trong đó chấp nhận nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn R (BL178); Ông H1 tiếp tục có đơn khiếu nại gửi tới Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngày 29/3/2004, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 900/BTNMT-TTr chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết theo hướng thay thế Quyết định số 1615 trên cơ sở giữ nguyên nội dung Quyết định số 1479.

Ngày 11/7/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 646/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 1615, khôi phục hiệu lực của Quyết định số 1479. Ngày 31/12/2008, tại phòng Tiếp công dân tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp ông Nguyễn Văn R liên quan đến nội dung khiếu nại các quyết định nói trên của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh hòa, nếu không đồng ý thì gửi đơn tới Bộ Tài nguyên và Môi trường để được giải quyết. Bà N cho rằng ông R có tiếp tục khiếu nại nhưng không được trả lời nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Như vậy Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 11/7/2007 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc bãi bỏ Quyết định số 1615/QĐ-UB ngày 30/5/2003 và khôi phục hiệu lực của Quyết định số 1479/QĐ-UB ngày 06/8/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (BL46) đã có hiệu lực pháp luật.

Như vậy nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N đối với các ông Mai Đức H1, bà Mai Thị T2, ông Nguyễn Đăng T3 và bà Nguyễn Thị C đã được

giải quyết bằng Quyết định có hiệu lực của UBND tỉnh Khánh Hòa. Do đó, Hội đồng xét xử xét phúc thẩm căn cứ Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự này.

[2] Về chi phí tố tụng: Bà N phải chịu 200.000 đồng chi phí tố tụng.

[3] Về án phí: Hoàn trả cho bà N toàn bộ số tiền đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và đình chỉ xét xử vụ án “*Tranh chấp về đòi tài sản; yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim N; địa chỉ: Lô 15, đường 6B, KĐT H, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Hùng – VPLS Văn Hùng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: Số 13B khu số 2, Đường L, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

* *Bị đơn*:

- Ông Mai Đức H1; địa chỉ: Số 160 Đường T1, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị M; địa chỉ: Số 160 Đường T1, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Mai Thị T2; địa chỉ: số 181 đường 23/10, phường P1, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Nguyễn Đăng T3 và bà Nguyễn Thị C; địa chỉ: Tổ 4, P2, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T3: bà Nguyễn Thị C; địa chỉ: Tổ 4, P2, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

- Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Trần Thị H2; địa chỉ: số 138/5 Đường Đ1, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Huỳnh Minh T4; địa chỉ: Tổ 4, P2, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Vũ Khải H3 và bà Phạm Thị G; địa chỉ: Tổ 4, P2, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Bùi Đăng C1; địa chỉ: Tổ 4, P2, phường P3, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Vũ Chí T5; Địa chỉ: Tổ 4, P2, phường P3, thành phố N1, tỉnh

Khánh Hòa.

- Ông Ngô Thanh T6 và bà Hà Thị Bích H4; địa chỉ: Số 170 Đường N2, phường P4, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

2. Về chi phí tố tụng: Bà N phải chịu 200.000 đồng chi phí tố tụng; đã nộp đủ và được trả lại 9.800.000 đồng theo phiếu thu số 17 ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

3. Về án phí: Hoàn trả cho bà N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000450 ngày 11/01/2018 và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001287 ngày 03/8/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào